

Số: 2979/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 01 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Điều 36, Chương VIII của "Điều lệ trường đại học" ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg, ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng trường đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009;

Căn cứ công văn số 5265/BGDĐT-GDDH ngày 15/8/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng trong đào tạo trình độ tiến sĩ và yêu cầu trình độ ngoại ngữ đối với học viên, nghiên cứu sinh là người nước ngoài;

Xét đề nghị của ông Trưởng Khoa Sau đại học Trường Đại học Cần Thơ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ.

Điều 2. Quy định này áp dụng đối với nghiên cứu sinh đang học tại Trường.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Khoa Sau đại học, Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp, các đơn vị đào tạo sau đại học, thủ trưởng các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh có trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Phòng TTPC;
- Lưu: VT, KSDH, KHTH.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2979/QĐ-ĐHCT, ngày 01/8/2013
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Cần Thơ bao gồm quy định về đơn vị đào tạo, chương trình và tổ chức đào tạo, luận án và bảo vệ luận án; thẩm định luận án và cấp bằng tiến sĩ, khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ tiến sĩ là đào tạo những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp; có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

Điều 3. Hình thức và thời gian đào tạo

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người đã có bằng thạc sĩ là 3 năm (36 tháng); đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm (48 tháng) tập trung liên tục.
2. Trường hợp nghiên cứu sinh (NCS) không học tập trung liên tục và được Trường chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của NCS phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như quy định tại Khoản 1 Điều này, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại Trường để thực hiện đề tài nghiên cứu.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 4. Thời gian và hình thức tuyển sinh

1. Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ được tổ chức từ 1 đến 2 lần/năm.
2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại khá trở lên, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

Tùy theo tình hình thực tế hàng năm thông báo tuyển sinh sẽ thể hiện chi tiết các yêu cầu về kinh nghiệm làm việc, thời gian làm việc chuyên môn mà thí sinh cần có trước khi dự tuyển; các điều kiện về văn bằng, ngành học, điểm trung bình chung học tập toàn khóa ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ để được dự tuyển vào các chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường.

Các trường hợp đặc biệt như người dự tuyển là người nước ngoài, người chuyên đơn vị đào tạo,... Trường sẽ thành lập Hội đồng cấp Trường để xét từng trường hợp cụ thể.

2. Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

3. Có hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh.

Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
- c) Phương pháp làm việc;
- d) Khả năng nghiên cứu;
- đ) Khả năng làm việc theo nhóm;
- e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- g) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS.

4. Có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án quy định tại Điều 19 của Quy định này.

5. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ.

Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

6. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Trường (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

Điều 6. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển

1. Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau:

- a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ (*Phụ lục III ban hành kèm Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*), trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển NCS, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1 quy định tại Phụ lục IIIa, với dạng thức và yêu cầu đề kiểm tra ngoại ngữ quy định tại Phụ lục IIIb;

- b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;
- c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

2. Đối với ngoại ngữ khác với quy định tại Khoản 1 Điều này, Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét và đề nghị Hiệu trưởng quyết định.

Điều 7. Thông báo tuyển sinh

1. Chậm nhất ba tháng trước mỗi kỳ tuyển sinh, Trường sẽ ra thông báo tuyển sinh.
2. Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại Trường, gửi đến các cơ quan đơn vị có liên quan, đăng trên trang web của Trường (*theo địa chỉ: <http://gs.ctu.edu.vn/>*) và trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*theo địa chỉ: duatin@moet.edu.vn*) và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác, trong đó sẽ nêu rõ:
 - a) Chỉ tiêu tuyển sinh của từng chuyên ngành đào tạo do Hiệu trưởng quyết định căn cứ tổng chỉ tiêu tuyển sinh của Trường được Bộ phân giao;
 - b) Kế hoạch tuyển sinh;
 - c) Hồ sơ dự tuyển và thời gian nhận hồ sơ;
 - d) Thời gian xét tuyển, thời gian công bố kết quả tuyển chọn và thời gian nhập học;
 - đ) Danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu kèm theo danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn NCS, số lượng NCS có thể tiếp nhận theo từng hướng nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu;
 - e) Các yêu cầu, thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ tuyển sinh.

Điều 8. Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần Hội đồng tuyển sinh gồm: Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các Ủy viên .

- a) Chủ tịch: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;
- b) Ủy viên thường trực: Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa Sau đại học phụ trách công tác chuyên môn;
- c) Các Ủy viên : Trưởng khoa, viện đào tạo sau đại học sau đây gọi chung là đơn vị đào tạo sau đại học (đơn vị đào tạo SDH) hoặc phòng chuyên môn.

Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

- a) Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy định này;
- b) Quyết định và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương II của Quy định này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn

được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Trường;

- c) Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư ký và các Tiểu ban chuyên môn. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

Điều 9. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các Ủy viên .

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

- a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;
- b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới khoa chuyên môn;
- c) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các Tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;
- d) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.

3. Trách nhiệm của Trưởng Ban Thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

Điều 10. Tiểu ban chuyên môn

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Trưởng đơn vị đào tạo SDH đề xuất các Tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh; là thành viên của đơn vị chuyên môn, cán bộ khoa học, giảng viên thuộc Trường hoặc ngoài Trường và người dự kiến hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng Tiểu ban và các thành viên tiểu ban.

3. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển; gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh ngay sau khi Tiểu ban hoàn thành việc đánh giá.

Điều 11. Quy trình xét tuyển NCS

1. Thành viên Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong hai thư giới thiệu.

2. Thí sinh trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ

tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một NCS. Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh về các nội dung quy định.

3. Căn cứ các yêu cầu đánh giá, Tiểu ban chuyên môn xây dựng thang điểm đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh.

4. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Hiệu trưởng quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

Điều 12. Triệu tập thí sinh trúng tuyển và công nhận NCS

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Trường gửi giấy gọi nhập học đến các thí sinh được tuyển chọn.

2. Ở tuần đầu của học kỳ đầu tiên, đơn vị đào tạo SDH đề xuất danh sách gồm 5 thành viên để thành lập Hội đồng xét duyệt chương trình đào tạo (CTĐT) và phân công người hướng dẫn (NHD) cho từng NCS; các thành viên Hội đồng có trình độ từ tiến sĩ trở lên và có chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo, trong đó có ít nhất 1 thành viên ngoài đơn vị đào tạo. Trong thời hạn 2 tuần sau khi nhận được quyết định thành lập Hội đồng, đơn vị đào tạo SDH tổ chức xét duyệt CTĐT gồm các học phần tự chọn và bắt buộc; cử NHD NCS. Trong thời hạn 1 tuần, đơn vị đào tạo SDH chuyển hồ sơ NCS về Khoa SDH (biên bản xét duyệt và CTĐT cá nhân của NCS). Kể từ khi nhận đủ hồ sơ xét duyệt CTĐT, trong vòng 1 tuần Khoa SDH rà soát và trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận NCS.

Trong thời hạn 2 tuần kể từ khi ban hành quyết định công nhận NCS, NCS phải hoàn thành lập kế hoạch học tập trên hệ thống quản lý đào tạo và in bản cứng để lưu (có chữ ký của lãnh đạo đơn vị đào tạo SDH, NCS và NHD chính). Các đơn vị đào tạo SDH tập hợp các kế hoạch học tập của NCS, sao gửi Khoa SDH để phối hợp theo dõi. Quá thời hạn 01 học kỳ (05 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận NCS, những NCS nào chưa hoàn thành việc lập kế hoạch học tập sẽ bị xóa tên.

Biên bản xét duyệt CTĐT và CTĐT cá nhân được xem là hồ sơ đào tạo để Trường làm căn cứ ra các quyết định phân giao đề tài, chuyên đề, tiểu luận tổng quan và xét tốt nghiệp.

3. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận NCS, hướng nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu (nếu đã xác định), chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của NCS.

Chương II

CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 13. Chương trình đào tạo (CTĐT)

1. CTĐT trình độ tiến sĩ nhằm giúp NCS hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ NCS rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình phải hỗ trợ NCS tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. CTĐT trình độ tiến sĩ gồm ba phần:

- a) Phần 1: Các học phần bổ sung;
- b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;
- c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

CTĐT trình độ tiến sĩ do các đơn vị đào tạo SDH xây dựng trên cơ sở khối lượng kiến thức và yêu cầu quy định tại Điều 14, 15, 16 và 17 của Quy định này. Hàng năm, đơn vị đào tạo SDH trình BGH phê duyệt các thay đổi về các học phần tự chọn (nếu có) trong CTĐT trước khi áp dụng. Những học phần mới phải có đề cương chi tiết kèm theo và được công bố công khai.

Định kỳ 2 năm các đơn vị đào tạo SDH rà soát điều chỉnh CTĐT (nếu cần); các học phần bổ sung mới phải có đề cương. Hội đồng Khoa học – Đào tạo sẽ xem xét phê duyệt theo quy định trước khi thực hiện.

4. NCS phải hoàn thành báo cáo đề cương luận án trước Hội đồng Bảo vệ đề cương không quá 24 tháng đối với NCS đã có bằng thạc sĩ và 36 tháng đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ kể từ ngày quyết định công nhận NCS có hiệu lực. Đơn vị đào tạo SDH chịu trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị giao đề tài về Khoa SDH (công văn đề nghị, biên bản Hội đồng, đề cương luận án hoàn chỉnh có chữ ký của NHD). Hội đồng bảo vệ đề cương gồm 5 thành viên có trình độ tiến sĩ trở lên, có chuyên môn phù hợp với chuyên ngành của NCS, trong đó có NHD chính và có ít nhất 1 thành viên ngoài đơn vị đào tạo SDH. Hội đồng bảo vệ đề cương có trách nhiệm xác định tên đề tài, tên 2 chuyên đề tiến sĩ cho phù hợp với đề tài đã được thông qua thể hiện bằng biên bản để Trường căn cứ ra Quyết định giao đề tài và làm thủ tục cập nhật CTĐT cá nhân cho NCS cũng như giao 02 chuyên đề tiến sĩ cho NCS.

Trong thời hạn 2 tuần kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị giao đề tài, Khoa SDH hoàn thành việc rà soát về NHD, đề tài nghiên cứu, các hồ sơ liên quan khác,... và trình Hiệu trưởng ra quyết định phân giao đề tài, chuyên đề tiến sĩ cho NCS.

Điều 14. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của NCS.

1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, được học trong hai năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Số lượng học phần, khối lượng tín chỉ tối thiểu được quy định tại CTĐT thạc sĩ của chuyên ngành, bao gồm học phần điều kiện (ngoại ngữ, triết học).

2. Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với CTĐT hiện tại, Hội đồng xét duyệt CTĐT xem xét, yêu cầu NCS học bổ sung các học phần của chuyên ngành đào tạo, lĩnh vực nghiên cứu và đảm bảo đúng học phần, khối lượng tín chỉ tối thiểu được quy định tại CTĐT của chuyên ngành.

3. Trường hợp cần thiết, nếu CTĐT trình độ đại học của NCS còn thiếu những học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, Hội đồng xét duyệt CTĐT có thể yêu cầu NCS học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học.

4. Hiệu trưởng quyết định các học phần NCS cần học bổ sung; khối lượng tín chỉ cần bổ sung cho trường hợp quy định tại Khoản 2, 3 Điều này.

5. Trường hợp NCS đã học các học phần thuộc các CTĐT khác, kể cả học ở nước ngoài, có kiểm tra đánh giá (có điểm) và giấy chứng nhận còn trong thời gian có giá trị (05 năm) mà Hội đồng xét thấy phù hợp với CTĐT có thể đề nghị Hiệu trưởng xem xét cho thay thế các học phần tự chọn của CTĐT.

Điều 15. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp NCS cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi NCS phải hoàn thành từ 3 đến 5 học phần với khối lượng từ 8 đến 12 tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ. Số học phần, số tín chỉ được phê duyệt và công bố công khai.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài NCS hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

3. Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của NCS, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học qua đó giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi NCS phải hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ, với khối lượng mỗi chuyên đề 3 tín chỉ. NHD (chính và phụ) được hướng dẫn tiểu luận tổng quan và 1 chuyên đề tiến sĩ; mời nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu tham gia hướng dẫn chuyên đề tiến sĩ còn lại cho mỗi NCS.

Giao và chăm chuyên đề: Việc phân giao chuyên đề được thực hiện ngay sau khi có quyết định phân giao đề tài và NHD cho NCS. Có thể cùng một lúc giao 2 chuyên đề cho NCS. Tiểu ban chăm chuyên đề bao gồm 3 thành viên, trong đó phải có ít nhất 1 thành

viên (đủ tiêu chuẩn giảng dạy bậc tiến sĩ) ngoài đơn vị đào tạo tham gia; NHD chuyên đề là Ủy viên. Trưởng Tiểu ban phải là thành viên có học hàm hoặc có học vị tiến sĩ từ 3 năm trở lên. Mỗi chuyên đề tiến sĩ có tối đa 2 NHD. Thời gian dành cho việc thực hiện từng chuyên đề từ khi có quyết định phân giao đến khi báo cáo đánh giá ít nhất là 1 tháng.

4. Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án, đòi hỏi NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. Bài tiểu luận tổng quan có khối lượng 3 tín chỉ.

Giao và chấm tiểu luận tổng quan: Giao tiểu luận tổng quan có thể thực hiện trước hoặc sau khi bảo vệ đề cương tiến sĩ. Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan cũng thực hiện như chuyên đề tiến sĩ.

5. Hiệu trưởng quyết định và công bố công khai trước khi khai giảng khóa đào tạo các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của từng chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà NCS cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của NCS.

6. Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ phải được viết theo quy định của Trường về viết luận án tiến sĩ.

Điều 16. Nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học của luận án là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình đào tạo. Tùy theo tính chất của lĩnh vực nghiên cứu thuộc khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, công nghệ mà Trường có các yêu cầu khác nhau đối với việc đánh giá hiện trạng tri thức, giải pháp công nghệ liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, thực nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết, yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, thí nghiệm để từ đó NCS đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Nghiên cứu khoa học là cơ sở quan trọng nhất để NCS viết luận án tiến sĩ.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Đơn vị đào tạo SDH và NHD có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất và trang thiết bị thí nghiệm để hỗ trợ NCS thực hiện các hoạt động nghiên cứu. NHD và NCS chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của quốc gia và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Những kết quả nghiên cứu trước thời điểm thực hiện luận án của chính mình mà NCS muốn đưa vào luận án phải được Hội đồng bảo vệ đề cương chấp thuận và ghi cụ thể vào biên bản. Trường hợp NCS có phối hợp triển khai nghiên cứu khoa học với sinh viên, học viên cao học thông qua luận văn tốt nghiệp và bảo vệ luận văn trước khi NCS bảo vệ thì nội dung này không vượt quá 50% khối lượng luận án. Luận án tiến sĩ có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng NCS được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan mà các nội dung nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến, để đảm bảo chất lượng luận án thì NCS được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do NCS chịu trách nhiệm chi trả.

Điều 17. Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính NCS, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

Điều 18. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và các chuyên đề tiến sĩ

1. Khi tiếp nhận NCS (có giấy báo trúng tuyển), căn cứ trình độ của từng NCS, văn bằng NCS đã có, các học phần NCS đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ, NHD và Hội đồng xét duyệt CTĐT đề xuất CTĐT cho NCS bao gồm các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần ở trình độ tiến sĩ, chuyên đề tổng quan và các tiểu luận tiến sĩ trình Hiệu trưởng phê duyệt. Sau khi có kết quả xét duyệt CTĐT, đơn vị đào tạo SDH thông báo đến NCS và NCS làm việc với NHD xây dựng kế hoạch học tập trình đơn vị đào tạo SDH duyệt và căn cứ vào đó thực hiện.

2. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, NCS phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của Trường hoặc cơ sở đào tạo khác do Trường quy định. Đối với các học phần ở trình độ tiến sĩ do Trường tổ chức thực hiện.

3. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, đơn vị đào tạo SDH phải tổ chức để NCS hoàn thành phần 1 và phần 2 của CTĐT trình độ tiến sĩ.

4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và tiểu luận tổng quan của NCS phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- a) Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của NCS;
- b) Đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo.

5. Những NCS có kết quả các học phần, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu khi hết thời gian hoàn thành phần 1 và phần 2 của CTĐT (24 tháng đối với NCS đã có bằng thạc sĩ và 36 tháng đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ kể từ ngày quyết định công nhận NCS có hiệu lực) sẽ không được tiếp tục làm NCS. Người chưa có bằng thạc sĩ có thể làm đơn đề nghị chuyển sang học và hoàn thành chương trình thạc sĩ cùng ngành/chuyên ngành của Trường để được cấp bằng thạc sĩ khi hoàn thành các điều kiện đầu vào của ngành/chuyên ngành thạc sĩ phù hợp, ngành gần. Các học phần đã học trong CTĐT trình độ tiến sĩ của NCS được Trường bảo lưu không quá 5 năm và được Hội đồng xét duyệt CTĐT ghi nhận nếu NCS được trúng tuyển ở các kỳ tuyển sinh sau đó.

6. Hội đồng Khoa/Viện của đơn vị đào tạo SDH có nhiệm vụ xây dựng CTĐT, định kỳ hai năm một lần bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần theo yêu cầu của ngành đào tạo thông qua Hội đồng Khoa học – Đào tạo, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

7. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần bổ sung, tự chọn, bắt buộc: NCS phải tham dự lớp 100% số giờ đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập ngoài Trường. NCS phải tham dự tối thiểu 80% số giờ đối với các học phần lý thuyết. Buổi học đầu tiên, giảng viên thông báo cho NCS nội dung học phần, phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá, cách tính điểm,... NCS vắng lên lớp nhiều hơn thời gian quy định sẽ bị cấm thi. Giảng viên học phần chịu trách nhiệm quản lý và đề nghị đơn vị đào tạo SDH duyệt danh sách NCS bị cấm thi trước khi tổ chức thi.

Điểm học phần: điểm học phần sẽ được công bố và ghi nhận theo hệ điểm chữ A, B⁺, B, C⁺, C, D, F. Học phần bổ sung đạt và được tích lũy khi có kết quả từ điểm C trở lên; riêng học phần trình độ tiến sĩ, chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan đạt và được tích lũy khi có kết quả từ điểm C⁺ trở lên. Các học phần chưa đạt học viên phải làm thủ tục đăng ký học lại đối với các học phần này. Điểm I được áp dụng trong các trường hợp NCS đã theo học đủ số giờ quy định, đã dự kiểm tra giữa kỳ nhưng không tham dự kỳ thi cuối kỳ do gặp các tình huống bất khả kháng được sự đồng ý của giảng viên và Khoa SDH. Trong vòng 1 năm, học viên có thể xin đăng ký thi cuối kỳ chung với khóa sau nếu được sự đồng ý của giảng viên. Quá thời hạn trên, học phần có điểm I được chuyển sang điểm F.

8. Việc tổ chức và đánh giá chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của NCS: đơn vị đào tạo SDH phải theo dõi, hướng dẫn và tổ chức đánh giá chuyên đề, tiểu luận tổng quan của NCS đúng theo kế hoạch đào tạo. Phân giao các chuyên đề NCS được thực hiện cùng với bảo vệ đề cương luận án. NCS và NHD đề xuất các chuyên đề tiến sĩ để Hội đồng bảo vệ đề cương cho ý kiến thông qua.

Điểm chấm chuyên đề và tiểu luận tổng quan được đánh giá theo thang điểm giống như cách đánh giá học phần (tính trung bình cộng điểm số của các thành viên Tiểu ban sau đó quy về hệ điểm chữ). Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập Tiểu ban chấm chuyên đề, tiểu luận tổng quan nếu chưa thực hiện đánh giá, Tiểu ban tự giải tán và NCS phải làm giải trình đề nghị đơn vị đào tạo SDH tiến hành thủ tục thành lập Tiểu ban chấm mới. Mọi chi phí liên quan đến tổ chức và đánh giá của Tiểu ban do NCS chi trả.

NCS có kết quả chuyên đề và tiểu luận tổng quan không đạt thì phải làm lại nếu còn đủ thời gian và chi phí tổ chức, đánh giá do NCS chi trả. Thời gian đề nghị thành lập lại Tiểu ban chấm chậm nhất là 3 tháng, sớm nhất là 1 tháng kể từ khi họp đánh giá lần đầu.

9. Đánh giá giữa kỳ: sau 24 tháng đối với NCS có bằng thạc sĩ và 36 tháng đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ kể từ khi có quyết định công nhận NCS. Đơn vị đào tạo SDH tổ chức cho NCS báo cáo tình hình học tập trước Hội đồng đánh giá giữa kỳ do đơn vị đào tạo SDH thành lập. Hội đồng có 5 thành viên, trong đó có sự tham gia của NHD, đại diện Khoa SDH và các thành viên có chuyên môn phù hợp với nội dung luận án của NCS. Hội đồng có trách nhiệm đánh giá tiến độ học tập, cho ý kiến bổ sung hay điều chỉnh chi tiết của nội dung nghiên cứu, cho ý kiến kết luận NCS có thể tiếp tục hay dừng nghiên cứu. Sau khi hoàn thành việc đánh giá giữa kỳ, đơn vị đào tạo SDH gửi báo cáo tình hình học tập của NCS về Khoa SDH để lưu hồ sơ và cập nhật tiến độ học tập của NCS. Trường hợp NCS không thể tiếp tục nghiên cứu thì có biên bản nêu lý do chi tiết để Khoa SDH trình Hiệu trưởng cho ý kiến.

Điều 19. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của NCS trước khi bảo vệ luận án

Trước khi bảo vệ luận án, NCS phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau đây:

- a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;
- b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ;
- c) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B2 (Khung tham chiếu quy đổi tương đương B2 bao gồm chứng chỉ TOEFL CBT 173, TOEFL iBT 61,

TOEFL PBT 500, IELTS 5.5, TOEIC 600, Cambridge Exam (First FCE), BEC (Business Vantage), BULATS 60 (Pháp văn có chứng chỉ DELF B2, TCF niveau 4)) trong thời hạn 01 năm tính đến ngày trình hồ sơ bảo vệ luận án cơ sở.

Điều 20. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Thay đổi hướng nghiên cứu: Trường hợp NCS muốn thay đổi hướng nghiên cứu sau khi có quyết định công nhận NCS (chưa có quyết định phân giao đề tài) nếu đủ thời gian 6 tháng từ khi có quyết định công nhận NCS, phải làm đơn đề nghị thay đổi hướng nghiên cứu có giải trình rõ các lý do thay đổi và phải có sự đồng ý của NHD, đơn vị đào tạo SDH và Hiệu trưởng để Trường thành lập Hội đồng đánh giá hướng nghiên cứu mới của NCS. Hội đồng đánh giá hướng nghiên cứu phải xem xét lại CTĐT cho phù hợp với hướng nghiên cứu mới. NCS có trách nhiệm chi trả mọi kinh phí liên quan tổ chức, đánh giá của Hội đồng. Những trường hợp đã được chấp thuận hướng nghiên cứu mới chỉ được bảo vệ đề cương sau 6 tháng kể từ khi có quyết định thay đổi hướng nghiên cứu.

Thời gian hoàn thành phần 1, phần 2 của CTĐT mới (thay đổi học phần) vẫn thực hiện trong thời gian 24 tháng kể từ khi có quyết định công nhận NCS.

2. Thay đổi đề tài luận án chỉ được thực hiện trong nửa đầu của thời gian đào tạo được quy định tại Điều 3 của Quy định này. Thay đổi nội dung đề tài luận án sau khi có quyết định giao đề tài thì Hội đồng xét thay đổi tên đề tài phải xem xét việc thực hiện lại các chuyên đề, tiểu luận tổng quan nếu nội dung có thay đổi so với đề tài ban đầu.

3. Thay đổi tên chuyên đề tiến sĩ phải được Hội đồng bảo vệ đề cương thông qua.

4. Điều chỉnh tên luận án tiến sĩ khi bảo vệ cấp cơ sở (không thay đổi nội dung luận án) được thực hiện khi có ý kiến đề xuất và ghi trong biên bản của Hội đồng bảo vệ luận án cấp cơ sở. Đơn vị đào tạo SDH gửi đề xuất đến Khoa SDH để trình Hiệu trưởng xem xét ra quyết định điều chỉnh trước khi gửi phản biện độc lập.

5. Các thay đổi ở Khoản 1, 2, 3 và 4 phải có đơn đề nghị thay đổi của NCS có giải trình rõ các lý do thay đổi, có sự đồng ý của NHD, phải được đơn vị đào tạo SDH đề nghị, gửi Khoa SDH trình Hiệu trưởng quyết định.

6. Khi có lý do chính đáng, NCS có thể xin chuyển trường với điều kiện thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất là một năm, được Trường đồng ý và được cơ sở chuyển đến tiếp nhận.

7. Bổ sung hoặc thay đổi NHD chỉ được thực hiện chậm nhất một năm trước khi NCS bảo vệ luận án cấp cơ sở.

8. NCS được xác định là hoàn thành CTĐT đúng hạn nếu trong thời gian quy định, luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

Nếu NCS không có khả năng hoàn thành CTĐT đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin phép gia hạn học tập, có ý kiến của đơn vị công tác (nếu lúc nộp hồ sơ nhập học được cơ quan cử đi học). Gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do khách quan với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn NCS hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. NCS có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của Trường. Thời gian gia hạn của NCS không quá 24 tháng. NCS học không tập trung thì khi được gia hạn phải làm việc tập trung tại Trường để hoàn thành luận án trong thời gian được gia hạn.

9. Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép bảo vệ luận án trước thời hạn khi NCS hoàn thành CTĐT, đáp ứng các điều kiện để được bảo vệ luận án quy định tại Khoản 2 Điều 28.

10. Khi NCS hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có) hoặc đã hoàn thành CTĐT (kể cả khi NCS bảo vệ sớm trước thời hạn), Hiệu trưởng có văn bản thông báo cho đơn vị cử NCS đi học biết và có đánh giá về kết quả nghiên cứu và thái độ của NCS trong thời gian học tại Trường.

11. Sau khi hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có), nếu chưa hoàn thành luận án thì NCS vẫn có thể tiếp tục thực hiện luận án và làm đơn xin trình luận án để bảo vệ nếu nội dung luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học; được NHD và Hiệu trưởng đồng ý.

Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ cấp trường là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận NCS. Quá thời gian này, NCS không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập thuộc CTĐT trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

12. Nghỉ học tạm thời: NCS viết đơn gửi Hiệu trưởng (thông qua đơn vị đào tạo SDH và Khoa SDH) xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị ốm đau hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có xác nhận của cơ quan y tế.
- b) Vì nhu cầu cá nhân, trường hợp này NCS phải học ít nhất là 1 năm theo đúng CTĐT; thời gian cho phép nghỉ học tạm thời tối đa 1 năm.

Tổng thời gian học tập kể cả nghỉ học tạm thời áp dụng theo Khoản 11, Điều này.

Điều 21. Giảng viên giảng dạy CTĐT trình độ tiến sĩ

Giảng viên giảng dạy CTĐT trình độ tiến sĩ phải có các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt.
2. Có bằng tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong CTĐT trình độ tiến sĩ.
3. Có năng lực chuyên môn tốt và hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các bài báo, công trình được công bố trước và trong thời gian tham gia giảng dạy CTĐT trình độ tiến sĩ.
4. Là lực lượng cơ hữu của Trường; trường hợp mời giảng ngoài trường được thực hiện theo quy định về mời giảng của Trường.

Điều 22. Người hướng dẫn NCS

1. Người hướng dẫn NCS phải là người có chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với hướng nghiên cứu của NCS, có tham gia đào tạo sau đại học, phải có các tiêu chuẩn quy định tại Điều 21 và các tiêu chuẩn sau:

- a) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ; nếu có bằng tiến sĩ nhưng chưa có chức danh khoa học thì phải sau nhận bằng tiến sĩ 3 năm trở lên;
- b) Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 5 năm trở lại đây;
- c) Có tên trong thông báo của Trường về danh mục các đề tài, hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu dự định nhận NCS vào năm tuyển sinh;

- d) Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn NCS giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra;
- đ) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu chuyên ngành và trao đổi khoa học quốc tế;
- e) Có trách nhiệm cao để thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn NCS;
- g) Hiện không trong thời gian phải tạm dừng nhận NCS mới theo quy định tại Khoản 5, Điều này.

2. Mỗi NCS có không quá 2 người cùng hướng dẫn. NHD thứ nhất là NHD chính, chịu trách nhiệm đối với quá trình hoàn thành khoá học của NCS. NHD thứ hai là người hỗ trợ một số lĩnh vực được sự thống nhất của NHD chính.

3. Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn NCS có thể độc lập hướng dẫn NCS.

4. Mỗi NHD không được nhận hơn 2 NCS được tuyển trong cùng một năm ở tất cả các cơ sở đào tạo. Giáo sư được hướng dẫn cùng lúc không quá 5 NCS; phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn cùng lúc không quá 4 NCS; tiến sĩ được hướng dẫn cùng lúc không quá 3 NCS ở tất cả các cơ sở đào tạo, kể cả NCS đồng hướng dẫn và NCS đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại Trường xin bảo vệ luận án theo quy định tại Khoản 11 Điều 20 của Quy định này.

5. Trong vòng 5 năm, tính đến ngày giao nhiệm vụ hướng dẫn NCS, nếu NHD có 2 NCS không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn sẽ không được giao hướng dẫn NCS mới.

6. Đơn vị đào tạo SDH được mời các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này tham gia hướng dẫn NCS.

Điều 23. Nhiệm vụ của người hướng dẫn NCS

1. Ưu tiên NHD chính là cán bộ cơ hữu của Trường. Nếu NHD chính hay phụ là người ngoài Trường thì phải có lý lịch khoa học kèm theo để Hội đồng xét duyệt CTĐT của đơn vị đào tạo xem xét quyết định. NCS có thể đề xuất NHD nhưng phải được Hội đồng xét duyệt CTĐT chấp thuận và thư nhận lời của người được đề nghị hướng dẫn.

2. Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của NCS.

3. Xác định các học phần cần thiết trong CTĐT trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan cho NCS và đề xuất với đơn vị đào tạo SDH để trình Hiệu trưởng quyết định.

4. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc NCS học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và giúp NCS công bố các kết quả nghiên cứu.

5. Giúp đỡ NCS chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo kế hoạch của đơn vị đào tạo SDH.

6. Nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu, tiến độ đạt được của NCS trong các báo cáo định kỳ của NCS gửi đơn vị đào tạo SDH.

7. Sửa luận án của NCS, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho NCS bảo vệ, nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của NCS

1. Trong quá trình đào tạo, NCS được bộ môn trực tiếp quản lý, NCS có trách nhiệm báo cáo kế hoạch thực hiện chương trình học tập, hoạt động nghiên cứu và nội dung đề cương nghiên cứu với bộ môn.

2. Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, NCS phải thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với NHD theo kế hoạch và lịch đã định; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của bộ môn. NCS phải tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài trường; định kỳ trình bày báo cáo kết quả học tập và nghiên cứu của mình với NHD và bộ môn theo lịch do bộ môn quy định, ít nhất 4 lần một năm. NCS phải có ít nhất 2 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học có phản biện độc lập, theo danh mục tạp chí của Hội đồng chức danh Giáo sư và Trường quy định trước khi trình luận án cấp cơ sở.

3. Trong quá trình học tập, NCS phải dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại Trường theo sự phân công của bộ môn từ 30 đến 45 tiết/năm. NHD và Bộ môn xác nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ này hàng năm để lưu hồ sơ học tập của NCS.

4. Đầu mỗi năm học, NCS phải nộp cho bộ môn báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình bao gồm những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; kế hoạch học tập và nội dung nghiên cứu của mình trong năm học mới để bộ môn xem xét đánh giá.

5. NCS không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng bảo vệ luận án cấp trường trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

Điều 25. Trách nhiệm của đơn vị đào tạo SDH

1. Sắp xếp và tổ chức cho giảng viên giảng dạy các học phần của CTĐT; đảm bảo tài liệu học tập của các học phần.

2. Tổ chức đề Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS, đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực, tư chất của thí sinh. Lập biên bản đánh giá, xếp loại kết quả xét tuyển NCS trình Hiệu trưởng quyết định tuyển chọn.

3. Xem xét và thông qua Hội đồng Khoa/Viện của đơn vị đào tạo SDH trước khi trình Hiệu trưởng quyết định các học phần cần thiết trong CTĐT trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; kế hoạch đào tạo đối với từng NCS; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của các NCS.

4. Quy định cho bộ môn tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho NCS, ít nhất mỗi tháng một lần, để NCS báo cáo kết quả nghiên cứu; phân công NCS giảng dạy, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập.

5. Quy định lịch làm việc của NCS với NHD và lịch của bộ môn nghe NCS báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học (4 lần/năm) và xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; đánh giá tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; đánh giá khả năng và triển vọng của NCS và đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng NCS.

6. Đề xuất với Hiệu trưởng danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập mà NCS phải gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình, phù hợp với quy định tại Khoản 7 Điều 27 của Quy định này; hướng dẫn, liên hệ và hỗ trợ NCS gửi công bố kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước.

7. Đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi NHD, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của NCS.

8. Thực hiện quản lý chặt chẽ NCS trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu. Quản lý việc tổ chức, đánh giá học phần, chuyên đề, tiểu luận tổng quan của NCS đúng tiến độ và kế hoạch đào tạo. Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Hiệu trưởng về tình hình học tập, nghiên cứu của NCS; đồng thời thông qua Hiệu trưởng gửi báo cáo này cho Thủ trưởng đơn vị công tác của NCS.

10. Tổ chức đánh giá luận án của NCS ở cấp cơ sở, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp trường.

11. Tổ chức đào tạo theo CTĐT đã được duyệt. Tạo điều kiện để NCS được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học trong và ngoài nước.

12. Hỗ trợ thiết bị, vật tư, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của NCS.

13. Vào tuần cuối tháng 8 hàng năm, báo cáo về Khoa Sau đại học tình hình tiến độ thực hiện kế hoạch học tập của NCS, bảo vệ luận án của NCS; những thay đổi về NCS trong năm, thay đổi NHD; xác định chỉ tiêu, hướng nghiên cứu của năm tuyển sinh kế tiếp cho từng chuyên ngành đào tạo.

Điều 26. Trách nhiệm của Trường

1. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm theo từng chuyên ngành đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Xây dựng CTĐT, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các chuyên ngành được phép đào tạo; lập hồ sơ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng ký chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ mới; phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học uy tín, có phản biện độc lập mà NCS phải gửi công bố kết quả nghiên cứu theo từng chuyên ngành đào tạo.

3. Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định.

4. Ra quyết định công nhận NCS, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, NHD và thời gian đào tạo của NCS; quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo NCS như thay đổi đề tài, NHD, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho NCS.

5. Tổ chức đào tạo theo CTĐT đã được duyệt. Tạo điều kiện để NCS được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế.

6. Cung cấp thiết bị, vật tư, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của NCS như đối với cán bộ khoa học kỹ thuật của trường.

7. Tổ chức cho NCS bảo vệ luận án cấp trường theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định này. Đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ việc bảo vệ luận án của NCS.

8. Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của NCS; quản lý việc thi và cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm học tập; cấp giấy chứng nhận cho NCS đã hoàn thành CTĐT, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án; cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.

9. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học thường niên; các hội thảo khoa học quốc tế. Xuất bản thường kỳ tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập của Trường.

10. Công bố công khai, cập nhật và duy trì trên trang web toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của từng luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) từ khi chuẩn bị bảo vệ; danh sách NCS hàng năm; các đề tài nghiên cứu đang thực hiện; danh sách NCS đã được cấp bằng tiến sĩ.

11. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

- a) Sau kỳ tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình và kết quả tuyển sinh, các quyết định công nhận NCS trúng tuyển;
- b) Tháng 10 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ của cơ sở, những thay đổi về NCS trong năm, xác định chỉ tiêu và kế hoạch tuyển NCS năm sau;
- c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang NCS bảo vệ trong hai tháng vừa qua;
- d) Trước ngày 30/6 và 31/12 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình cấp bằng của Trường. Hồ sơ báo cáo gồm:
 - Báo cáo tổng quan tình hình cấp bằng tiến sĩ của Trường trong thời gian từ sau lần báo cáo trước.
 - Danh sách NCS được cấp bằng.
 - Bản sao quyết định cấp bằng tiến sĩ cho NCS đã hoàn thành CTĐT và bảo vệ luận án đạt yêu cầu quy định.
 - Bản sao quyết định công nhận các NCS có tên trong danh sách cấp bằng.
- đ) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, hồ sơ bảo vệ luận án các cấp, hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ, quyết định cấp bằng tiến sĩ, sổ gốc cấp văn bằng tốt nghiệp là tài liệu được lưu trữ, bảo quản vĩnh viễn tại cơ sở đào tạo. Tài liệu tuyển sinh, đào tạo và các tài liệu khác được lưu trữ, bảo quản trong thời hạn 5 năm sau khi người học tốt nghiệp. Các bài thi học phần, báo cáo chuyên đề, tiểu luận tổng quan của NCS được bảo quản và lưu trữ đến khi NCS tốt nghiệp. Việc tiêu hủy tài liệu hết giá trị sử dụng được thực hiện theo quy định hiện hành.

12. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường trong đào tạo trình độ tiến sĩ và chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động đào tạo tại Trường.

13. Đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo với cơ quan có thẩm quyền.

14. Ban hành các văn bản, biểu mẫu, trình bày định dạng luận án theo chuẩn chung áp dụng cho tất cả các đơn vị đào tạo SDH.

Chương III

LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 27. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ phải do NCS thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu tại Điều 17 Quy định này. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả

thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan tính trung thực về công trình khoa học của mình.

Khuyến khích NCS viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

2. Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của NCS được thực hiện trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ.

Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

- a) Phần mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;
- b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài, luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;
- c) Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): Trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và thảo luận;
- d) Kết luận và kiến nghị: Trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; đề xuất/kiến nghị những vấn đề cần nghiên cứu tiếp theo;
- đ) Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;
- e) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;
- g) Phụ lục (nếu có).

3. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

4. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải kèm trong hồ sơ xin bảo vệ các văn bản mà các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho phép NCS sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.

5. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

6. Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

7. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành; được công bố ít nhất trong hai bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm hay trong danh mục các tạp chí khoa học mà trường quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo.

Khuyến khích NCS sử dụng kết quả nghiên cứu tham gia báo cáo tại các hội thảo khoa học trong và ngoài nước; công bố kết quả trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được liệt kê tại địa chỉ <http://science.thomsonreuters.com/mjl/> hoặc kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế do một Nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

8. Luận án tiến sĩ phải được trình bày theo quy định chung của Trường. Trường khuyến khích và tạo điều kiện để NCS xuất bản luận án hoàn chỉnh dưới dạng sách để phổ biến rộng các kết quả của nghiên cứu.

Điều 28. Đánh giá và bảo vệ luận án

1. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

- a) Cấp cơ sở (tại đơn vị đào tạo SDH);
- b) Cấp trường.

2. Điều kiện để NCS được đề nghị bảo vệ luận án:

- a) Đã hoàn thành trong thời gian quy định luận án, chương trình học tập và các yêu cầu quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16 và 19 của Quy định này;
- b) Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 17 và Điều 27 của Quy định này. Khuyến khích NCS bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.
- c) Tập thể hoặc NHD có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của NCS và đề nghị cho NCS được bảo vệ luận án;
- d) NCS hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Điều 29. Đánh giá luận án cấp cơ sở

1. Sau khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 28 của Quy định này, đơn vị đào tạo SDH đề nghị danh sách ít nhất là 11 thành viên để Khoa Sau đại học trình Hiệu trưởng lựa chọn, ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở trong vòng 7 ngày làm việc kể từ lúc nhận đủ hồ sơ. Hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm có:

- a) Văn bản đề nghị của đơn vị đào tạo SDH về danh sách các thành viên tham gia hội đồng luận án cấp cơ sở;
- b) Đơn đề nghị được bảo vệ luận án cấp cơ sở của NCS;
- c) Lý lịch khoa học mới có xác nhận của cơ quan cử đi học trong thời hạn 1 năm;
- d) Bảy (07) bản tuyển tập danh mục liệt kê và đính kèm các bài báo đã công bố;
- đ) Bảy (07) quyển luận án của NCS;
- e) Các văn bản chấp thuận của đồng tác giả về các công trình công bố có liên quan;
- g) Văn bản khẳng định chất lượng luận án, nhận xét về tinh thần thái độ, kết quả học tập của NCS và khẳng định đề nghị cho NCS được bảo vệ luận án của NHD;
- h) Biên bản xét CTĐT và kế hoạch đào tạo của NCS;
- i) Văn bằng, chứng chỉ liên quan đến việc thỏa mãn ngoại ngữ đầu ra của NCS;
- k) Bản sao các quyết định gia hạn (đối với NCS trễ tiến độ);

- l) Bản sao hồ sơ liên quan quá trình học của NCS gồm: bảo sao hợp lệ bảng điểm các học phần trình độ thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), bảng điểm các học phần của CTĐT tiến sĩ, các chuyên đề, tiểu luận tổng quan đã thực hiện của NCS (quyết định giao chuyên đề, chấm chuyên đề); biên bản chấm chuyên đề (bản gốc nộp lúc đề nghị hội đồng bảo vệ luận án cấp Trường);
- m) Bản sao quyết định giao đề tài và NHD của NCS.

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với chuyên ngành của NCS, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có ít nhất 2 nhà khoa học ở ngoài Trường và một thành viên là NHD (có thể là người hướng dẫn chính hay phụ). Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Chủ tịch hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có chuyên ngành phù hợp với nội dung luận án hoặc có bằng tiến sĩ trong thời hạn 3 năm có công trình nghiên cứu liên quan luận án tính đến ngày ra quyết định. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài tham gia Hội đồng.

3. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án, viết nhận xét và gửi lại cho Thư ký hội đồng ít nhất 15 ngày làm việc trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

4. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra 1 trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- đ) NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở là một buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn, được tổ chức để các thành viên đơn vị chuyên môn và những người quan tâm tham dự. Trước khi luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp trường, Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở tổ chức từ một đến nhiều phiên họp nếu luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu NCS sửa chữa, bổ sung.

Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp trường khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng và được 3/4 số thành viên Hội đồng cấp cơ sở có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành.

6. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của NCS và trình Hiệu trưởng quyết định; nơi gửi tóm tắt luận án bao gồm các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc Trường không quá 25% tổng số các cá nhân được gửi tóm tắt luận án.

7. Việc đánh giá luận án tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của NCS.

8. Đơn vị đào tạo SDH và NCS phải hoàn thành hồ sơ đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp trường quy định tại Khoản 2 Điều 30 Quy định này, gửi Khoa SDH trong thời gian tối đa là 3 tháng kể từ ngày bảo vệ ở Hội đồng cấp cơ sở để tiến hành thủ tục gửi phản biện độc lập. Quá thời gian trên NCS phải làm giải trình lý do chậm trễ, thuyết minh tính thời sự của luận án để Trường căn cứ quyết định cho bảo vệ lại luận án cấp cơ sở.

Điều 30. Hồ sơ đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp trường

1. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, đơn vị đào tạo SDH lập hồ sơ gửi Hiệu trưởng đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp trường.

2. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp trường của NCS gồm:

- a) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở ở đơn vị đào tạo SDH, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng bảo vệ luận án cấp cơ sở và Thư ký;
- b) Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của NCS sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ý của hai người phản biện luận án, những thành viên có ý kiến đề nghị bổ sung sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng và thủ trưởng đơn vị đào tạo SDH;
- c) Bản nhận xét của các thành viên hội đồng (viết trước phiên họp bảo vệ cấp cơ sở);
- d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu nhận xét của các thành viên hội đồng (lập tại phiên họp bảo vệ cấp cơ sở);
- đ) Bản nhận xét của NHD hoặc tập thể NHD;
- e) Danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án;
- g) Giới thiệu danh sách gồm 15 thành viên có thể tham gia Hội đồng cấp trường;
- h) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (nếu có);
- i) Bản gốc hợp lệ của bảng điểm các học phần của CTĐT thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của CTĐT trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, điểm tiểu luận tổng quan và bản sao chứng chỉ ngoại ngữ của NCS;
- k) Bản sao quyết định công nhận NCS và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);
- l) Hai bộ gồm: bảng kê khai danh mục và bản sao nội dung những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS;
- m) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả);
- n) Hai quyển luận án và 2 quyển tóm tắt luận án không có thông tin của NCS và NHD;
- o) Trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh). Nội dung gồm: tên luận án; tên chuyên ngành và mã số; tên NCS và khoá đào tạo; chức danh khoa học, học vị, tên NHD; tên trường; nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận

điểm mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án; chữ ký và họ tên của NHD và NCS;

Điều 31. Phản biện độc lập

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, Hiệu trưởng xin ý kiến của 2 phản biện độc lập về luận án. Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu của NCS, có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho NCS bảo vệ luận án. Khuyến khích lấy ý kiến của phản biện độc lập ở nước ngoài, nhất là đối với những luận án thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ.

2. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của trường, đơn vị đào tạo SĐH, NHD và NCS không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

3. Khi cả 2 phản biện độc lập tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cho NCS. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Trường gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp trường.

4. Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu cả 2 phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. NCS chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau 6 tháng và chậm nhất là 24 tháng kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

5. Phản biện độc lập phải có học vị tiến sĩ và am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án.

6. Trong thời hạn tối đa 3 tháng kể từ ngày đơn vị đào tạo SĐH trình hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng bảo vệ luận án cấp trường, Khoa SĐH gửi kết quả phản hồi của các phản biện độc lập đến NCS và đơn vị đào tạo SĐH để biết và xử lý theo Quy trình gửi phản biện độc lập của Trường.

Điều 32. Đánh giá luận án cấp trường

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp trường gồm 7 thành viên, trong đó số thành viên thuộc Trường không quá 3 người bao gồm những nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với chuyên ngành của NCS; có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín chuyên môn; am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án; có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của NCS công bố trong vòng 3 năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 2 người; thành viên là tiến sĩ phải sau khi nhận bằng đủ 36 tháng tính đến ngày thành lập Hội đồng.

2. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, 3 người phản biện và 2 ủy viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có chuyên ngành phù hợp với nội dung luận án. Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có

trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của NCS, không là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với NCS.

Hội đồng đánh giá luận án cấp trường:

- a) Chủ tịch Hội đồng ngoài năng lực chuyên môn phù hợp với nội dung đề tài luận án phải có kinh nghiệm trong đào tạo và trong chỉ đạo, điều khiển các buổi bảo vệ luận án; chịu trách nhiệm về các hồ sơ liên quan đến việc bảo vệ;
- b) Thư ký hội đồng là người có chuyên ngành phù hợp với đề tài luận án và hiểu biết các thủ tục bảo vệ luận án, có nhiệm vụ kiểm tra và chịu trách nhiệm về các hồ sơ của NCS;
- c) Các phản biện là những người am hiểu sâu luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực đề tài của NCS, có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án, không là đồng tác giả trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau; trong 3 người phản biện, phải có ít nhất 1 người có học hàm giáo sư hay phó giáo sư và tối thiểu là 2 phản biện ngoài trường.

3. Người hướng dẫn NCS, người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với NCS không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Điều 33. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp trường

1. Sau khi có kết quả đồng ý của các phản biện độc lập, Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng xét điều kiện bảo vệ luận án cho NCS bao gồm 5 thành viên: Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo SDH; Trưởng Khoa SDH; lãnh đạo, trợ lý SDH đơn vị đào tạo SDH; chuyên viên quản lý đào tạo của Khoa SDH.

2. Điều kiện để tổ chức cho NCS bảo vệ luận án:

- a) Toàn văn luận án, tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang web của trường và trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi đến địa chỉ email *duatin@moet.edu.vn*) trước ngày bảo vệ ít nhất 30 ngày;
- b) Luận án, tóm tắt luận án đã được trưng bày ở phòng đọc của Trung tâm học liệu Trường trước ngày bảo vệ ít nhất 30 ngày;
- c) Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng và các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi về Khoa Sau đại học 15 ngày trước ngày bảo vệ luận án của NCS;
- d) Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án;
- đ) Ngày bảo vệ, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của NCS đã được công bố công khai, rộng rãi trên trang web của Trường, trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên bảng tin của Trường và của đơn vị chuyên môn, trên báo địa

phương hoặc trung ương, trước ngày bảo vệ ít nhất 15 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ;

- e) Hội đồng đánh giá luận án cấp trường chỉ họp sau khi nhận được ít nhất 15 bản nhận xét tóm tắt luận án của các nhà khoa học thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu có trong danh sách gửi tóm tắt luận án đã được thông qua và nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án.

3. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường khi đảm bảo đủ các yêu cầu được Hội đồng xét điều kiện bảo vệ luận án cho NCS thông qua.

4. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- đ) NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- e) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này;
- g) Có hai nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức bảo vệ luận án.

5. Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án trong trường hợp bất khả kháng như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định. Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

6. Trong thời hạn tối đa là 3 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho NCS. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này, NCS có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 11 Điều 20 và Khoản 2 Điều 28 của Quy định này. Hiệu trưởng quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án tiến sĩ của NCS.

Điều 34. Tổ chức bảo vệ luận án

- 1. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai.

Việc bảo vệ luận án mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.

NHD không là thành viên Hội đồng, nhưng được mời tham dự buổi bảo vệ và đọc nhận xét quá trình làm việc của NCS.

Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

2. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành (theo mẫu). Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

3. Hội đồng phải có nghị quyết về luận án, trong đó nêu rõ:

- a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;
- b) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án.
- c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;
- d) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;
- đ) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án;
- e) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;
- g) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- h) Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

4. Nghị quyết của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai.

5. Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận vào văn bản báo cáo của NCS để lưu tại Trường và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam. NCS phải hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) trong thời gian là 45 ngày sau khi bảo vệ.

Điều 35. Bảo vệ lại luận án

1. Nếu luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua thì NCS được phép sửa chữa luận án và viết giấy tường trình gửi Trường đề nghị bảo vệ lần thứ hai, thời gian chậm nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Hiệu trưởng bổ sung thành viên khác thay thế.

3. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.

4. Quá thời hạn 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất (cấp trường) và quá thời hạn cho phép trình luận án quy định tại Khoản 11, Điều 20, luận án không được đưa ra bảo vệ.

5. Thủ tục và trình tự tổ chức bảo vệ lại luận án cho NCS được thực hiện như bảo vệ lần đầu.

Chương IV

THẨM ĐỊNH LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 36. Thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Vào tuần cuối của các tháng chẵn trong năm, Trường gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bảo vệ luận án của NCS của Trường trong hai tháng trước đó, kèm theo hồ sơ của từng NCS bao gồm:

- a) Bản sao quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;
- b) Bản sao biên bản và nghị quyết của tất cả các phiên họp của các Hội đồng đánh giá luận án;
- c) Bản sao nhận xét của các phản biện độc lập;
- d) Trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;
- đ) Tóm tắt luận án.

2. Việc thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án được Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thẩm định ngẫu nhiên: rút xác suất trong số hồ sơ luận án đã bảo vệ theo báo cáo của Trường để thẩm định;
- b) Khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

3. Số lượng hồ sơ, luận án được thẩm định không ít hơn 30% số luận án bảo vệ trong năm của Trường. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát báo cáo và có văn bản thông báo cho Trường các trường hợp cần thẩm định và nội dung cần thẩm định của mỗi trường hợp.

4. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo:

- a) Hồ sơ dự tuyển của NCS quy định;
- b) Văn bản nhận xét đánh giá phân loại NCS khi dự tuyển của Tiểu ban chuyên môn, bản tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Tiểu ban chuyên môn và kết quả xếp loại xét tuyển của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh;
- c) Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp trường của NCS quy định tại Khoản 2 Điều 30 của Quy định này;
- d) Hồ sơ thực hiện quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập luận án của NCS theo quy định tại Hướng dẫn các bước thực hiện công tác phản biện độc lập của NCS và các bản nhận xét của phản biện độc lập;
- đ) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của NCS quy định tại Khoản 3 Điều 39 của Quy định này;
- e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án:

- a) Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về NCS, NHD và Trường;
- b) Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về NCS, NHD và Trường;

- c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án trên các tạp chí khoa học chuyên ngành;
- d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

6. Hồ sơ thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

7. Hồ sơ quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp quy định tại Quy định này.

8. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến thẩm định độc lập của 3 nhà khoa học ở trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của NCS, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Chất lượng luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu có ít nhất 2 ý kiến tán thành.

9. Trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo về nội dung, chất lượng luận án hoặc luận án có ít nhất 2 ý kiến thẩm định không tán thành, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, ủy nhiệm cho Hiệu trưởng tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Sau ngày bảo vệ ít nhất là 3 tháng, nếu NCS không bị khiếu nại tố cáo, không có tên trong danh sách cần thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường sẽ thông báo cho NCS hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ theo Điều 39 và hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo quy định theo Điều 36 của Quy định này.

11. Những luận án cần thẩm định về chất lượng, Khoa SĐH sẽ thông báo cụ thể cho NCS, đơn vị đào tạo SĐH khi có phản hồi từ Hội đồng thẩm định luận án của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 37. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 7 thành viên, trong đó có ít nhất 4 thành viên chưa tham gia hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở hay hội đồng đánh giá luận án cấp trường của luận án được thẩm định. Thành viên Hội đồng thẩm định là các nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; am hiểu về đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của NCS; có công trình công bố về lĩnh vực của đề tài luận án trong 3 năm tính đến ngày thành lập hội đồng; có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Hội đồng có Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và các ủy viên. NHD không được tham gia vào Hội đồng thẩm định luận án.

2. Trước khi họp Hội đồng thẩm định, các thành viên Hội đồng có bản nhận xét về tính cấp thiết của đề tài luận án, sự phù hợp với chuyên ngành; không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; những phát hiện, luận điểm mới của luận án; đánh giá thành công và hạn chế của luận án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận án tiến sĩ.

3. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 6 thành viên Hội đồng bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có). Hội đồng thẩm định luận án có trách nhiệm xem xét, đánh giá nội dung và chất lượng luận án; làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo; nội dung nhận xét, kết luận của những người thẩm định độc lập luận án. Hội đồng phải có biên bản chi tiết các ý kiến thảo luận, trao đổi, kết luận và nghị quyết về nội dung, chất lượng luận án. Luận án đạt yêu cầu thẩm định khi có ít nhất 5 thành viên Hội đồng có mặt tán thành luận án.

4. Trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Hiệu trưởng tổ chức cuộc họp đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng chấm luận án cấp trường hoặc viện với sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp ít nhất là 12 người, trong đó Chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt.

5. Hiệu trưởng trực tiếp điều hành cuộc họp, bầu thư ký. Thành viên của hai Hội đồng tranh luận về nội dung và chất lượng luận án, bỏ phiếu đánh giá lại luận án. Luận án đạt yêu cầu nếu có ít nhất 3/4 thành viên có mặt tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

Điều 38. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định nhưng có ý kiến của người thẩm định độc lập hoặc Hội đồng thẩm định yêu cầu phải sửa chữa thì Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cùng với NHD và NCS xem xét và quyết định các điểm cần bổ sung chỉnh sửa. Sau khi NCS hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp trường kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Hiệu trưởng cấp bằng tiến sĩ cho NCS theo các yêu cầu quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Quy định này.

2. Đối với luận án không đạt yêu cầu tại Hội đồng thẩm định:

- a) Trường hợp chưa được cấp bằng tiến sĩ, NCS được sửa chữa, bổ sung và bảo vệ lại luận án theo quy định tại Điều 35 của Quy định này.
- b) Trường hợp đã được cấp bằng tiến sĩ sẽ được xem xét xử lý theo pháp luật hiện hành đối với văn bằng đã được cấp.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo không đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng sẽ tổ chức bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp phát hiện có vi phạm hành chính thì được chuyển xem xét xử lý theo quy định hiện hành về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

4. Trong thời gian không quá hai tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Hiệu trưởng có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các Khoản 1, 2, 3 Điều này, cùng với báo cáo bảo vệ luận án của NCS của kỳ tiếp theo (nếu có) quy định tại Khoản 1 Điều 36 của Quy định này.

5. Đơn vị đào tạo SDH có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong năm sẽ bị dừng tuyển sinh ít nhất trong một năm kế tiếp; có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong hai năm liên tiếp sẽ bị dừng việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và cấp bằng tiến sĩ trong một năm kế tiếp. Việc dừng các hoạt động này được thông báo công khai trên trang web Trường và Bộ giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian bị dừng các hoạt động tuyển sinh, thành lập Hội đồng đánh giá luận

án cấp trường và cấp bằng tiến sĩ, nếu đơn vị đào tạo SDH đưa ra biện pháp khắc phục, báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét việc cho phép tiếp tục tuyển sinh, tổ chức Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và cấp bằng tiến sĩ.

Điều 39. Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ

1. Trường sẽ lập hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ cho NCS khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Đủ 3 tháng kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;
- b) Đã chỉnh sửa, bổ sung những nội dung trong luận án theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường, đã được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và xác nhận, kể cả trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Quy định này (nếu có);
- c) NCS không có tên trong danh sách thẩm định luận án theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Khoản 3 Điều 36 của Quy định này. Nếu là trường hợp cần thẩm định thì phải đạt yêu cầu theo quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 36, Khoản 3 Điều 38 của Quy định này;
- d) NCS đã nộp Trường và Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án, một bản tóm tắt luận án, một đĩa CD ghi toàn văn luận án và tóm tắt luận án (bao gồm cả trang bìa), kể cả các luận án bảo vệ theo chế độ mật và các luận án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2. Bản luận án nộp các Thư viện gồm hai phần:

- a) Phần một là toàn văn bản luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, Hội đồng thẩm định (nếu có);
- b) Phần hai là các tài liệu của phiên họp bảo vệ, đánh giá luận án cấp trường, đóng quyển cùng với luận án, bao gồm:
 - Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và danh sách thành viên Hội đồng;
 - Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng;
 - Biên bản và nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;
 - Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng cấp trường, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

3. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của NCS bao gồm:

- a) Biên bản chi tiết diễn biến của buổi bảo vệ luận án, câu hỏi của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án và những người tham dự, trả lời của NCS cho từng câu hỏi;
- b) Nghị quyết của Hội đồng;
- c) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên của Hội đồng, của các cơ quan và các nhà khoa học gửi tới Hội đồng;
- d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;
- đ) Bản nhận xét, đánh giá của tập thể hướng dẫn NCS;

- e) Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự buổi bảo vệ;
- g) Giấy biên nhận luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- h) Giấy biên nhận đã nộp quyền luận án cho Trung tâm học liệu Trường trước và sau khi bảo vệ cấp trường;
- i) Tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ;
- k) Bản in trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án trên trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- l) Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng bảo vệ luận án cấp trường, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng;
- m) Ba bộ hồ sơ thẩm định chất lượng luận án quy định tại Khoản 5 Điều 36 của Quy định này.

Điều 40. Cấp bằng tiến sĩ

Khi NCS đã hoàn thiện về hồ sơ quy định tại Điều 39 của Quy định này; các thủ tục cấp bằng tiến sĩ bao gồm hồ sơ luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, Điều 39 của Quy định này, Khoa SDH trình danh sách NCS được thông qua tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

Căn cứ vào các biên bản thông qua danh sách NCS được cấp bằng của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

Chương V

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA, VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 41. Khiếu nại, tố cáo

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ luận án có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian 2 tháng kể từ ngày bảo vệ luận án.

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo. Trường hợp cần thẩm định hồ sơ, luận án trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo thì hồ sơ thẩm định, trình tự thẩm định thực hiện theo quy định tại Điều 36 và Điều 37 của Quy định này.

Điều 42. Thanh tra, kiểm tra

Hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường theo các quy định hiện hành.

Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo; chương trình và quy trình đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp; việc cấp bằng tiến sĩ; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Trường. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho Trường.

Điều 43. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp NCS bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. NCS vi phạm các quy định tại Khoản 5 Điều 24 sẽ bị xử lý từ khiển trách, cảnh cáo đến hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án. Nếu thông tin về người phản biện độc lập bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập bị xem xét kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

3. Trường hợp phát hiện có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo hay đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản đề nghị Trường xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền. Nếu Trường phát hiện sai phạm thì sẽ xử lý theo thẩm quyền của Trường.

4. NHD vi phạm các quy định tại Điều 22 và Điều 23, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo các hình thức: không được nhận thêm NCS mới, không được tiếp tục hướng dẫn NCS hiện tại hoặc không được nhận NCS mới trong 3 năm tiếp theo.

Điều 44. Các quy định về nghĩa vụ tài chính

1. NCS phải làm thủ tục nhập học và đóng học phí theo quy định của Trường.

2. Các trường hợp NCS đề nghị thành lập các Hội đồng đánh giá hướng nghiên cứu mới; Hội đồng bảo vệ lại đề cương; Hội đồng chấm lại chuyên đề hay tiểu luận tổng quan; Hội đồng xét thay đổi tên đề tài (Khoản 2 và Khoản 3, Điều 20), tên chuyên đề, tên tiểu luận tổng quan thì NCS phải chịu mọi chi phí tổ chức đánh giá của hội đồng.

3. NCS tham gia học lại các học phần trong CTĐT phải chi trả học phí học lại theo quy định về học phí của Trường.

4. Khi hết thời gian đào tạo theo Điều 3, NCS xin gia hạn ngoài việc đóng học phí trong thời gian được gia hạn còn phải chi trả chi phí cho việc tổ chức các Hội đồng bảo vệ luận án cấp cơ sở, gửi phản biện kín, Hội đồng bảo vệ luận án cấp trường.

NCS có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính sau khi hết thời gian đào tạo tại Trường kể cả thời gian gia hạn nếu có (Khoản 11, Điều 20) đến lúc trình luận án theo quy định.

Điều 45. Tổ chức thực hiện

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký đối với tất cả các khóa NCS hiện đang học tại Trường. Tất cả văn bản trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

HIỆU TRƯỞNG


Hà Thanh Toàn